



CONTENTS

1	Đào tạo nghề theo NLTH
2	Đặc tr- ng đào tạo theo NLTH
3	Quản lý QTĐT trong đào tạo theo NLTH
4	Quản lý, nội dung ch- ơng trình theo NLTH

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

1. NĂNG LỰC THỰC HIỆN

❖ Khái niệm về năng lực

▪ Năng lực

- Năng lực là “Phẩm chất tâm lý và sinh lý tạo cho con người khả năng hoàn thành một hoạt động nào đó với chất lượng cao”
- Năng lực là đặc điểm tâm lý cá nhân đáp ứng được những đòi hỏi của hoạt động nhất định nào đó và là điều kiện để thực hiện có kết quả hoạt động đó
- Năng lực là: Sự vận dụng các kỹ năng, kiến thức và thái độ để thực hiện các nhiệm vụ theo tiêu chuẩn công nghiệp và thương mại dưới các điều kiện hiện hành. (*Tổ chức Lao động thế giới-ILO*);

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

1. NĂNG LỰC THỰC HIỆN

❖ Khái niệm về năng lực

▪ Các cấp độ năng lực:

- *Năng lực bình thường*: là mức khởi đầu, nó được hình thành trong quá trình đào tạo, thông qua thực tiễn sẽ được hoàn thiện và phát triển.
- *Tài năng*: là mức độ cao của năng lực, thể hiện tính sáng tạo.
- *Thiên tài*: là mức độ rất cao của năng lực, có tính độc đáo và có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của toàn xã hội.

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

1. NĂNG LỰC THỰC HIỆN

❖ Khái niệm về năng lực

▪ Các loại năng lực:

- *Năng lực chung* là năng lực có ở mọi người bình thường. Bất kỳ một con người lành mạnh nào đều có năng lực chung nhưng mức độ khác nhau. Đó là năng lực trí tuệ (trí năng, trí thông minh).
- *Năng lực chuyên biệt* là sự thể hiện độc đáo các phẩm chất riêng biệt, có tính kỹ thuật chuyên môn, nhằm đáp ứng yêu cầu của lĩnh vực hoạt động chuyên biệt có kết quả cao

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

1. NĂNG LỰC THỰC HIỆN

❖ Khái niệm về năng lực thực hiện

▪ Năng lực thực hiện (NLTH)

- “Năng lực thực hiện” là thuật ngữ dịch từ tiếng Anh (*Competency* hay *Competence*) hoặc tiếng Đức (*Handlungskompetenz*);
- NLTH đề cập đến nhóm các *kỹ năng, kiến thức* được áp dụng để thực hiện một nhiệm vụ hoặc chức năng, phù hợp với các yêu cầu công việc (*Anh*)
- NLTH còn được hiểu là khả năng thực hiện được các nhiệm vụ hoặc công việc cụ thể của một nghề theo tiêu chuẩn mong đợi (*Úc*)
- NLTH bao gồm năng lực CM, năng lực PP, năng lực XH, năng lực cá nhân và được hình thành trên cơ sở kiến thức, KN, TĐ (*Đức*)

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

1. NĂNG LỰC THỰC HIỆN

❖ Khái niệm về năng lực thực hiện

▪ Năng lực thực hiện (NLTH)

- NLTH là khả năng thực hiện được các hoạt động (*nhiệm vụ, công việc*) trong nghề theo tiêu chuẩn đặt ra đối với từng nhiệm vụ công việc đó (*Nguyễn Đức Trí*)
- NLTH là những kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để người lao động có thể thực hiện được công việc của nghề đạt chuẩn quy định trong những điều kiện cho trước (*Nguyễn Minh Đường*)

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

1. NĂNG LỰC THỰC HIỆN

❖ Khái niệm về năng lực thực hiện

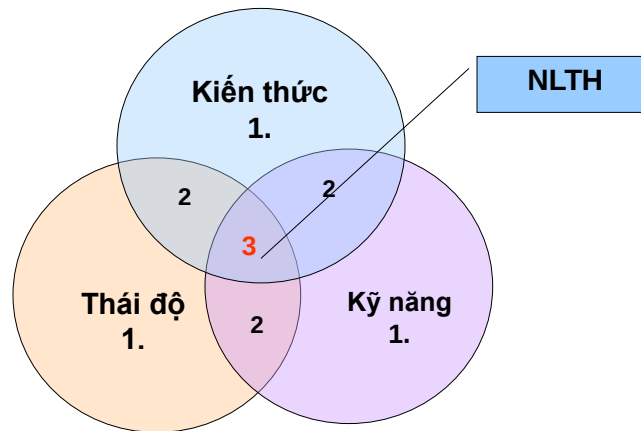
▪ Năng lực thực hiện (NLTH)

- NLTH là *kiến thức, kỹ năng, thái độ* cần thiết, được kết hợp *nhuần nhuyễn, không tách rời* để thực hiện được các nhiệm vụ, công việc cụ thể của một nghề *theo chuẩn đặt ra*, trong những *điều kiện nhất định*.
- Cấu trúc NLTH: Kiến thức, kỹ năng, thái độ; chuẩn đánh giá và điều kiện để thực hiện công việc;
- Đặc tính NLTH: Sự tích hợp *nhuần nhuyễn* của kiến thức, kỹ năng, thái độ

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

1. NĂNG LỰC THỰC HIỆN

❖ Khái niệm về năng lực thực hiện



<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

1. NĂNG LỰC THỰC HIỆN

❖ Sự giống và khác nhau giữa năng lực và NLTH

▪ Giống nhau

- Thuộc tính tâm lý của con người phù hợp với yêu cầu của một hoạt động nhất định, đảm bảo cho hoạt động đó đạt kết quả;
- Tiếng Anh: *competence* nhưng được hiểu theo quan niệm mới đó là gắn với sự thực hiện thành công các công việc của nghề theo các tiêu chí cụ thể đặt ra

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

1. NĂNG LỰC THỰC HIỆN

❖ Sự giống và khác nhau giữa năng lực và NLTH

▪ Khác nhau

- Năng lực gắn nhiều với thuộc tính tâm lý của con người, nói lên khả năng tiềm tàng hay tiềm năng;
- NLTH không chỉ là thuộc tính tâm lý cá nhân (năng lực cá nhân) mà là sự kết hợp của các năng lực khác. NLTH không phải là *khả năng* mà *sự thực hiện được*
- Năng lực thể hiện một khả năng chung chung của con người, có thể từ rất nhỏ đến rất lớn, có thể lượng giá được hay rất khó lượng giá;
- NLTH luôn thể hiện những khả năng rất cụ thể của con người và có thể lượng hóa được./

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

2. ĐÀO TẠO THEO NĂNG LỰC THỰC HIỆN

❖ Đặc trưng đào tạo theo NLTH

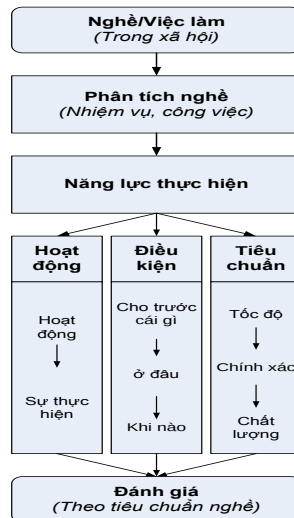
- Đào tạo theo tiêu chuẩn đặt ra
- Mục tiêu đào tạo là đáp ứng yêu cầu của TTLĐ
- Nội dung dạy học tích hợp giữa lý thuyết với TH
- Đánh giá kết quả đào tạo theo năng lực thực hiện
- Không nhất thiết phải học tất cả nội dung, đạt tất cả các tiêu chuẩn của nghề đó, mà học đến đâu công nhận kết quả đến đấy
- Kết quả trước đây của người học vẫn được công nhận nếu họ chứng minh được là có NLTH theo tiêu chuẩn đề ra.

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

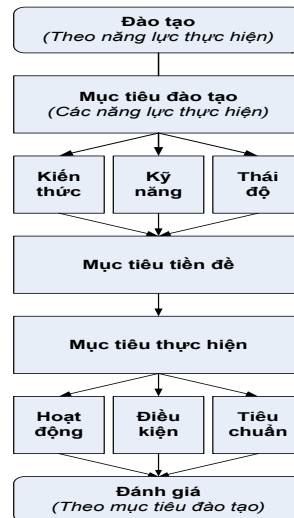
2. ĐÀO TẠO THEO NĂNG LỰC THỰC HIỆN

❖ Triết I□

LAO ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP



ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP



<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

2. ĐÀO TẠO THEO NĂNG LỰC THỰC HIỆN

❖ Các thành phần đào tạo theo năng lực thực hiện

- *Dạy học để hình thành NLTH*
 - Nội dung được xây dựng trên nội dung các năng lực cần thiết đối với từng vị trí làm việc và cấp trình độ nghề
 - Được xác định thông qua các hoạt động phân tích nghề (Occupation Analyse)

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

2. ĐÀO TẠO THEO NĂNG LỰC THỰC HIỆN

❖ Các thành phần đào tạo theo năng lực thực hiện

- *Đánh giá, công nhận kết quả*
 - Quan sát sự thực hiện công việc tại chỗ làm việc hoặc ở những hoàn cảnh tương tự,
 - Đo đạc các sản phẩm hoặc theo dõi các dịch vụ được thực hiện,
 - Quan sát, lượng giá các thái độ được thể hiện,
 - Kiểm tra kiến thức và hiểu biết,
 - Thu thập các chứng cứ phụ trợ gồm thông tin từ các sổ sách giáo vụ, các báo cáo, hồ sơ,... và từ những người khác về người học,...

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

2. ĐÀO TẠO THEO NĂNG LỰC THỰC HIỆN

❖ Các thành phần đào tạo theo năng lực thực hiện

- *Đánh giá, công nhận kết quả*
 - Người học phải thực hành các công việc theo cách thức giống như của người công nhân trong thực tế
 - Đánh giá riêng rẽ người học khi họ hoàn thành công việc;
 - Việc đánh giá không phải là so sánh người học này với người học khác;
 - Các chỉ tiêu dùng cho đánh giá được công bố cho người học biết trước khi đánh giá

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

2. ĐẶC TRƯNG ĐÀO TẠO THEO NĂNG LỰC THỰC HIỆN

	ĐÀO TẠO NGHỀ TRUYỀN THÔNG	ĐÀO TẠO NGHỀ THEO NĂNG LỰC THỰC HIỆN
1	Triết lý đào tạo: ☐ Nhân cách ☐ Toàn nghề	☐ Có việc làm ☐ Kiểm sống
2	Mục tiêu (Objectives): ☐ Cơ bản ☐ Toàn diện ☐ Phát triển	☐ Thích ứng giai quyết vấn đề đang tồn tại
3	Thời gian đào tạo: ☐ Cố định	☐ Thay đổi
4	Xác định nội dung: ☐ Dựa trên triết lý đào tạo	☐ Dựa trên phân tích nghề & công việc
5	Cấu trúc nội dung: ☐ Logic: Khoa học - Hệ thống ☐ KHCB - KTCS - LTCM - THCM ☐ Môn học	☐ Logic: Vấn đề cần giai quyết. ☐ Tích hợp: LT-TH; KHCB - KTCS - CM. ☐ Mô đun
6	Cách thức đánh giá: ☐ So sánh điểm số	☐ Theo tiêu chí & tiêu chuẩn
7	Kỹ thuật đánh giá: ☐ Thi theo môn học và định kỳ	☐ Trắc nghiệm sự thực hiện • ☐ đánh giá th- ờng xuyên, liên tục
8	Tiêu chí đánh giá chương trình: ☐ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp & khá giỏi	☐ Tỷ lệ học sinh có việc làm

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

3. QUẢN LÝ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO TRONG ĐÀO TẠO THEO NLTH

❖ Quỹ trình ào tạo

- Quá trình đào tạo bao gồm quá trình dạy học và quá trình giáo dục (theo nghĩa hẹp), là bộ phận cấu thành chủ yếu nhất trong toàn bộ hoạt động của một nhà tr- ờng.
- Quá trình đào tạo: bao gồm 4 yếu tố
 - ☐ T- t- ờng (quan điểm, chủ tr- ờng, chính sách)
 - ☐ Con ng- ời (cán bộ, GV, HS,...)
 - ☐ Quá trình hay hoạt động (dạy và học,...)
 - ☐ Vật chất (nhà x- ờng, phòng học, máy móc, trang thiết bị, nguyên nhiên vật liệu...).

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

3. QUẢN LÝ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO TRONG ĐÀO TẠO THEO NLTH

❖ Bản chất quy trình đào tạo

- *Quy trình QT* là quá trình phối hợp hoạt động của cán bộ, GV, HS do nhà trường tổ chức, chỉ đạo và thực hiện nhằm phát triển nhân cách của HS,
- *Quá trình QT* phải thực hiện đồng thời ba chức năng là:
 - Giáo dục,
 - Giáo d- ỡng
 - Phát triển

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

3. QUẢN LÝ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO TRONG ĐÀO TẠO THEO NLTH

❖ Phân loại quản lý

- *Quản lý h- ớng GD*
 - Trung - ớng
 - Địa ph- ớng
- *Quản lý nhà tr- ờng*
 - Là hệ thống những tác động có mục đích, có kế hoạch, hợp quy luật của chủ thể QL nhằm làm cho nhà tr- ờng vận hành theo nguyên lý GD để đạt tới mục tiêu GD

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

3. QUẢN LÝ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO TRONG ĐÀO TẠO THEO NLTH

❖ Mục tiêu đào tạo

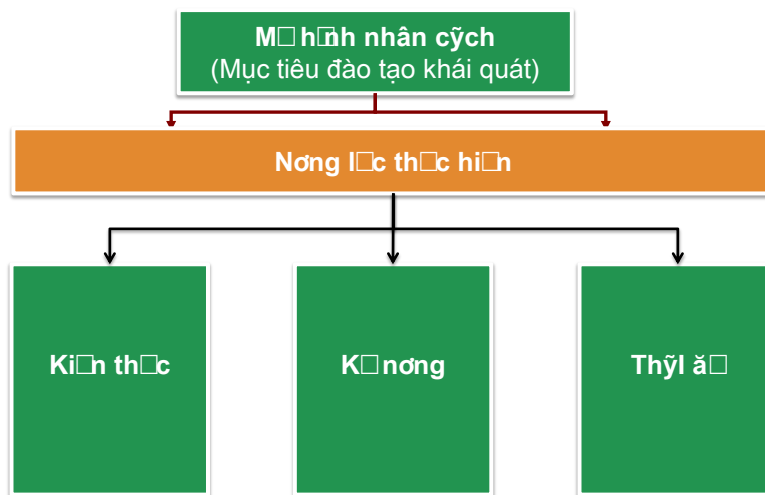
- Mục tiêu đào tạo đ-ợc hiểu là kết quả, là sản phẩm mong đợi của quá trình ĐT. Mục tiêu ĐT hay sản phẩm ĐT chính là ng-ời HS, SV tốt nghiệp với nhân cách đã đ-ợc thay đổi, cải biến thông qua quá trình ĐT.



<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

3. QUẢN LÝ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO TRONG ĐÀO TẠO THEO NLTH

❖ Mục tiêu đào tạo



<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

❖ Nội dung đào tạo

- Kiến thức cơ bản;
- Kiến thức chuyên môn
- Kiến thức công nghệ
- Thao, động tác lao động
- Cấu trúc tích hợp



<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

❖ Tích hợp nội dung

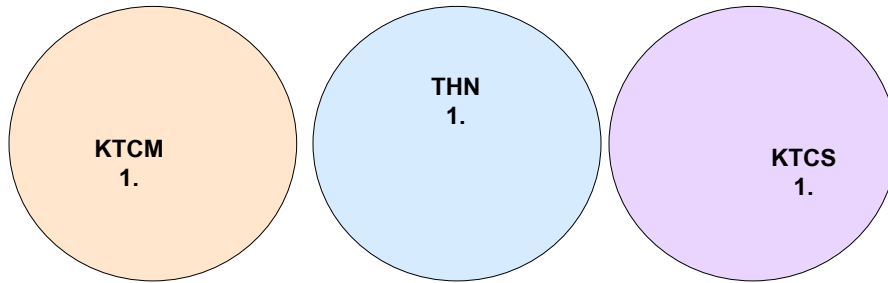
- Tích hợp là việc thống nhất các nội dung trong một hệ thống thống nhất
- Hệ thống kiến thức, kỹ năng mới đảm bảo tính cơ bản, hiện đại, thiết thực và đáp ứng trực tiếp mục tiêu đào tạo



<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

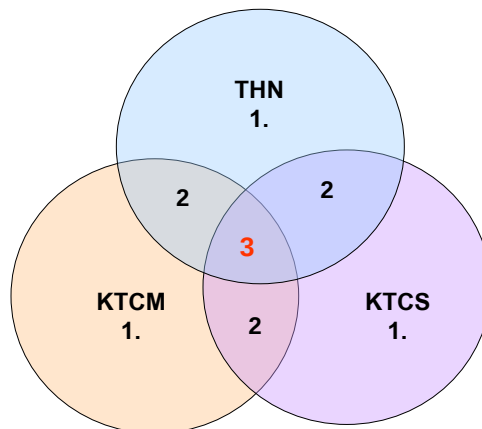
❖ Tích hợp nội dung trong đào tạo



<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

❖ Tích hợp nội dung trong đào tạo



<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHỖNG TRÌNH ĐÀO TẠO

❖ **Cực khỷ niệm vủ chỡng trỡnh**

- *Chỡng trỡnh giỡo đợc (theo Luốđ Giỡo đợc)*

☐ Văn bản thể hiện:

- ☐ Mục tiêu giáo dục;
- ☐ Quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục, ph- ơng pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục;
- ☐ Cách thức đánh giá kết quả giáo dục đối với các môn học ở mỗi lớp, mỗi cấp học hoặc trình độ đào tạo



<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHỖNG TRÌNH ĐÀO TẠO

❖ **Cực khỷ niệm vủ chỡng trỡnh**

- *Chỡng trỡnh đợy nghủ (theo Luốđ Dợy nghủ)*

☐ Văn bản thể hiện:

- ☐ Mục tiêu dạy nghề;
- ☐ Quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung, ph- ơng pháp và hình thức dạy nghề;
- ☐ Cách thức đánh giá kết quả học tập đối với mỗi mô-đun, mỗi nghề ở tỡng trỡnh ãợ ãào tợb (sơ cấp, trung cấp, cao đẳng)

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

❖ **Cực kỳ nghiêm túc chương trình**

▪ *Chương trình đào tạo (Curriculum)*

□ Là văn bản cụ thể hoá:

□ Mục tiêu đào tạo;

□ Quy định phạm vi, mức độ và cấu trúc nội dung đào tạo, phương pháp, hình thức đào tạo;

□ Tiêu chuẩn và cách đánh giá kết quả đào tạo đối với các môn học ở mỗi lớp và toàn bộ một bậc học, cấp học, trình độ đào tạo

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

❖ **Cực kỳ nghiêm túc chương trình**

▪ *Chương trình đào tạo (Curriculum)*

□ Chương trình đào tạo nghề cho từng nghề gồm:

□ Mục tiêu đào tạo theo từng trình độ đào tạo

□ Kế hoạch đào tạo .

□ Chương trình môn học hoặc mô đun đào tạo .

□ Kế hoạch hoạt động giáo dục ngoại khóa

□ CTĐT là căn cứ để quản lý, chỉ đạo, giám sát, đánh giá công tác dạy học của nhà trường; để nhà trường và giáo viên tiến hành công tác giảng dạy, học sinh tiến hành học tập, tham dự kiểm tra và thi

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHỖNG-TRÌNH ĐÀO TẠO

❖ **Cỷc khỷi niệm vủ chỡng trỡnh**

- *Chỡng trỡnh ào tỡo (Curriculum)*
 - CTĐT là căn cứ để cơ quan quản lý nhà n-ớc quản lý, chỉ đạo, giám sát, đánh giá công tác dạy học của nhà tr-ờng;
 - Để nhà tr-ờng và giáo viên tiến hành công tác giảng dạy
 - Để học sinh tiến hành học tập, tham dự kiểm tra và thi

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHỖNG-TRÌNH ĐÀO TẠO

❖ **Cỷc khỷi niệm vủ chỡng trỡnh**

- *Chỡng trỡnh giỡng dỡy*
 - Đ-ợc hiểu nh- ch-ơng trình đào tạo theo cách hiểu truyền thống.
- *Kỡ hoỡch ào tỡo*
 - Là văn bản quy định cụ thể:
 - Danh mục và khối l-ợng nội dung các môn học, mô đun;
 - Phân chia chúng theo các tuần, học kỳ, năm học;
 - Các hoạt động chính trong tr-ờng dạy nghề;

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

❖ **Cực kỳ nghiêm túc chương trình**

▪ *Chương trình môn học*

- Quy định những kiến thức, kỹ năng học sinh phải đạt được sau khi học tập môn học, phù hợp với thời gian đã được xác định trong kế hoạch đào tạo của mỗi nghề;
- Là căn cứ để triển khai việc giảng dạy, biên soạn giáo trình và tài liệu giảng dạy cho môn học và để kiểm tra công tác đào tạo của nhà trường

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

❖ **Cực kỳ nghiêm túc chương trình**

▪ *Chương trình khung*

- Nêu những định hướng mang tính nguyên tắc cho các hoạt động dạy và học
- Xác định các *lĩnh vực học tập cốt lõi*, mô tả những kiến thức và hiểu biết mà học sinh cần thu nhận được và các *kỹ năng cốt lõi* mà học sinh cần có
- Xác định rõ *phạm vi* và *thời hạn* cần hình thành ở học sinh

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

❖ **Cỷc khỷ niệ́m vuở chồ́ng trồ́h**

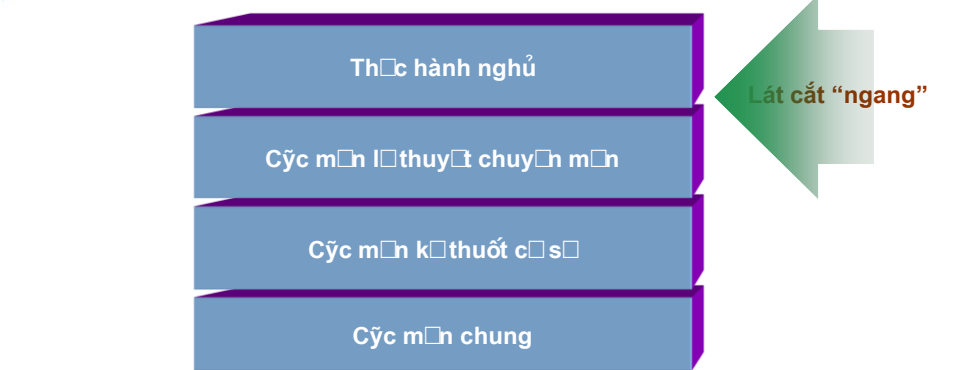
- *Chứng trệh khùng*

- Chương trình khung trình độ TCN, CĐN quy định mục tiêu đào tạo; thời gian của khoá học, thời gian thực học tối thiểu; danh mục, thời gian của các môn học, mô-đun; tỷ lệ thời gian giữa lý thuyết và thực hành, nhằm trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng nghề bảo đảm mục tiêu đào tạo./

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

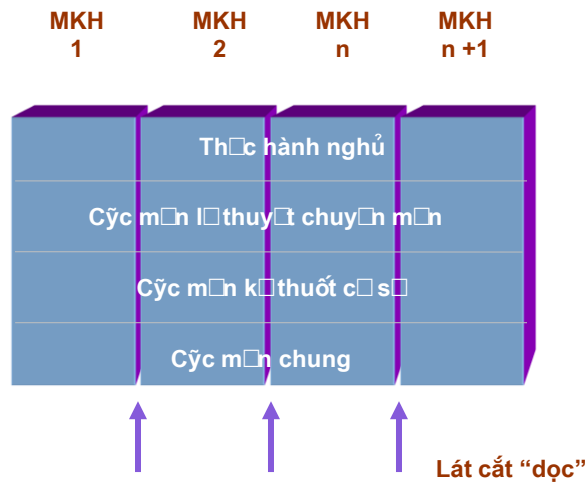
❖ Kịch bản trình thảo luận theo MH



<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

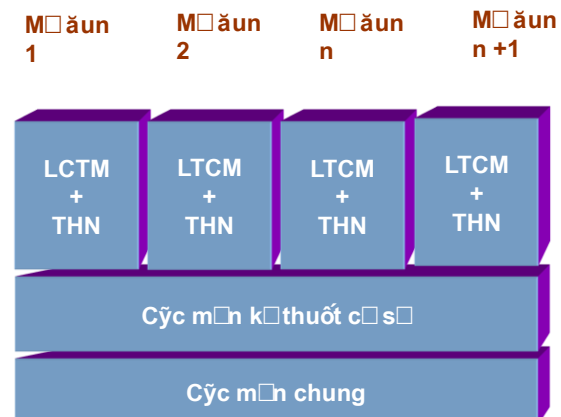
❖ Kiểu chương trình theo M^o



<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

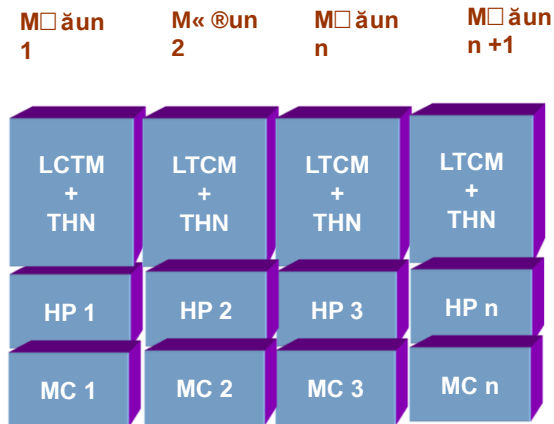
❖ Kiểu chương trình kết hợp



<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

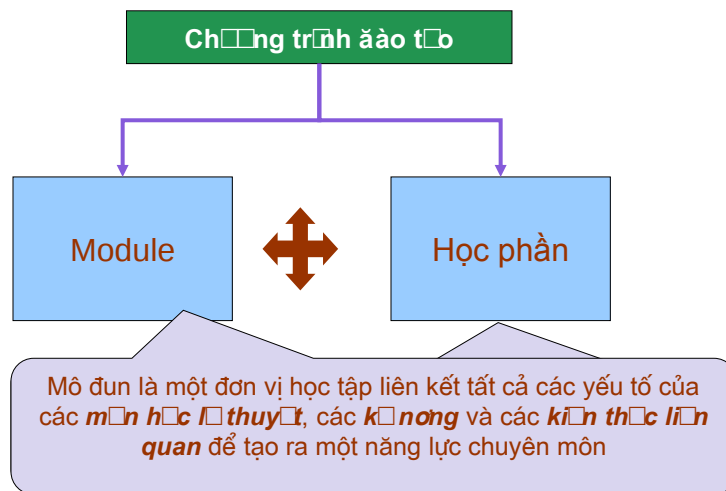
❖ Kiểu chương trình kết hợp



<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

❖ Quan niệm phát triển chương trình

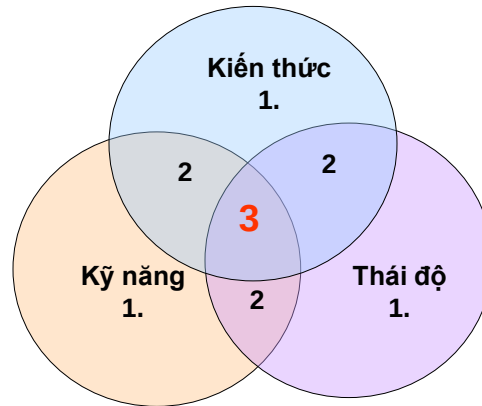


<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

❖ Quan niệm phát triển chương trình

- Mô đun



<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

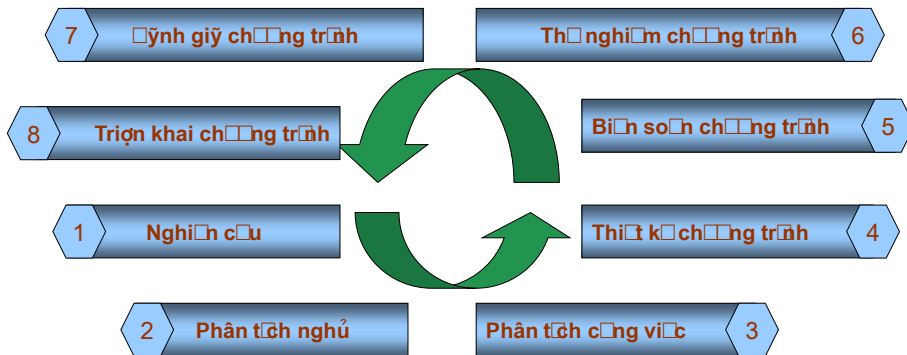
❖ Đặc trưng của Mẫu

- Định hướng vấn đề cần giải quyết;
- Định hướng trọn vẹn vấn đề;
- Định hướng làm được;
- Định hướng đánh giá liên tục & hiệu quả;
- Định hướng cá nhân hoặc nhóm nhỏ người học;
- Định hướng lắp ghép phát triển;

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

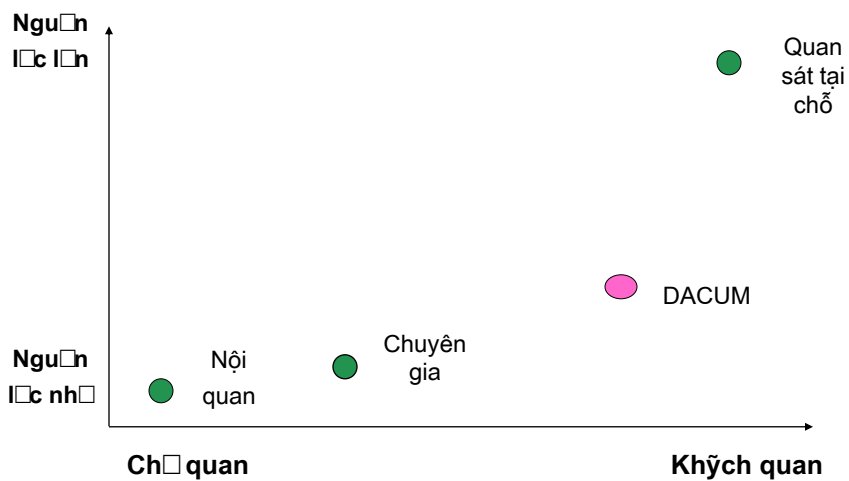
❖ Quy trình phát triển chương trình



<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

❖ Một số phương pháp phân tích nhu cầu



<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

❖ Phân tích nghề

- Những người đang làm việc trực tiếp và thành công trong nghề có khả năng mô tả đúng nhất về nghề của mình
- Mọi hoạt động nghề nghiệp đều có thể được mô tả bằng các nhiệm vụ và công việc
- Từ các nhiệm vụ và công việc có thể xác định được kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để hành nghề

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

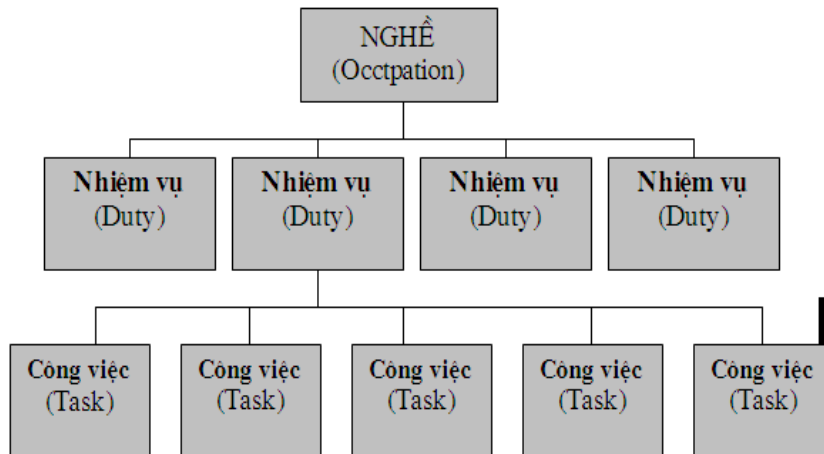
❖ Phân tích nghề

- Triết lý của phân tích nghề:
 - Những người lao động giỏi nghề có thể mô tả nghề của họ chính xác hơn bất kỳ ai khác;
 - Cách hữu hiệu để định nghĩa một nghề là mô tả những công việc mà các lao động giỏi nghề của nghề đó thực hiện;
 - Mọi công việc đều đòi hỏi những kiến thức, kỹ năng, dụng cụ và thái độ nhất định để có thể thực hiện được

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

❖ Phân tích nghề



<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

❖ Phân tích nghề

- Mỗi nghề sẽ bao gồm:
 - Những nhiệm vụ cụ thể.
 - Trong mỗi nhiệm vụ sẽ có những công việc phải thực hiện.
 - » Tương ứng với mỗi công việc, người lao động cần phải *có kiến thức, kỹ năng, thái độ, phương tiện, dụng cụ nhất định để đảm bảo thực hiện tốt* công việc và tiêu chuẩn đánh giá công việc

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

❖ Phân tích nghề

- Mỗi nghề sẽ bao gồm:

CÁC NHIỆM VỤ		CÁC CÔNG VIỆC				
A	Chuẩn bị dạy học	A01	A02	A03	A04	A05
		Chuẩn bị thiết kế bài học	Thiết kế bài học	Xây dựng trình chiếu điện tử	Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học	Chuẩn bị thiết bị, nguyên vật liệu
B	Dạy học	B01	B02	B03	B04	B05
		Ôn định lớp, kiểm tra an toàn	Mở đầu bài giảng	Giới thiệu mục tiêu bài học	Tổ chức hoạt động học tập	Kiểm tra nhận thức của người học
C	Tổ chức thực hành	C01	C02	C03	C04	
		Thao tác mẫu (làm thí phạm)	Tổ chức nhóm luyện tập	Hướng dẫn luyện tập	Đánh giá, kết thúc luyện tập	

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

❖ Phân tích công việc

- Xác định các bước thực hiện trong từng công việc theo sơ đồ Dacum
- Xác định tiêu chuẩn thực hiện của từng bước công việc
- Xác định các dụng cụ, trang bị cần thiết để thực hiện từng bước công việc
- Xác định các kiến thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện từng bước công việc
- Xác định các quyết định, tín hiệu và lỗi thường gặp trong từng bước công việc

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

❖ Lựa chọn nội dung

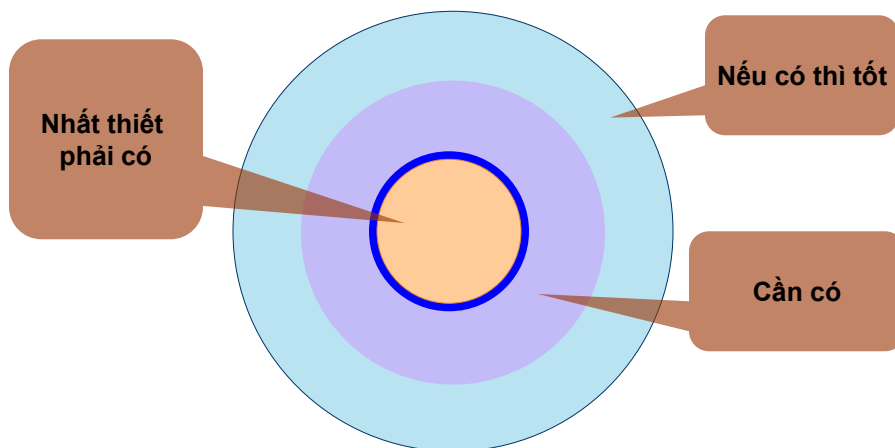
- Cơ sở vào mức tiêu chuẩn đào tạo, sự ảnh hưởng phân tích nhu cầu và các phân tích phân tích công việc
 - Xác định những kiến thức khoa học, công nghệ cần thiết để thực hiện các công việc theo trình độ đào tạo
 - Hệ thống và nhóm các kiến thức và kỹ năng cần đào tạo theo logic khoa học, và logic nhận thức thành các môn học
 - Hệ thống và nhóm các kiến thức và kỹ năng cần đào tạo theo logic hành nghề thành các mô đun

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

❖ Lựa chọn nội dung

- Lựa chọn giữ mức ảnh hưởng trọng của các KT, KN

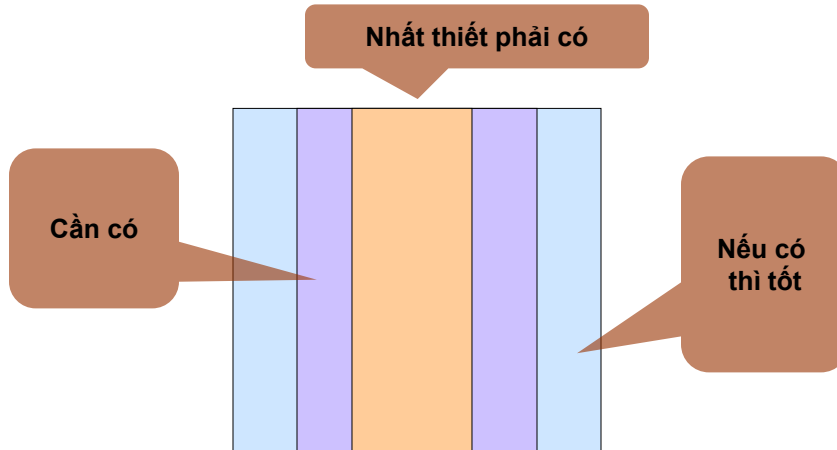


<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

❖ Lựa chọn nội dung

- Lựa chọn giữ mức ảnh hưởng của các KT, KN



<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

4. QUẢN LÝ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

❖ Công cụ quản lý

- Chương trình, kế hoạch đào tạo
 - Chương trình đào tạo
 - Kế hoạch;
 - Tiến độ đào tạo
- Công cụ quản lý (Hệ thống CNTT-TT)
 - Công cụ cho hoạt động tác nghiệp
 - Chương trình lập thời khóa biểu
 - Chương trình Microsoft Project
- Công cụ quản lý đào tạo
 - LMS ([Learning management system](#));

<http://daynghe.tcdn.gov.vn>

